

Bản án số: **84/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/12/2022

V/v: “Không công nhận vợ chồng”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân

2. Bà Bùi Lê Phương Thảo

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:

Bà Phan Thị Hoài Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 743/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn M, sinh năm 1971

Địa chỉ: 107/68A Ni Sư Huỳnh L, phường 10 quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lý Thị Như N, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 35 kiệt 2 Tô Hiến T, phường G, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2022 và tại bản tự khai nguyên đơn - ông Phan Văn M trình bày và yêu cầu:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn M và bà Lý Thị Như N quen nhau một năm thì về chung sống tự nguyện có tổ chức cưới hỏi được hai gia đình cho phép từ năm 1991 tại thành phố Huế nhưng không đăng ký kết hôn do trình độ văn hóa thấp nên nhận thức chưa đầy đủ pháp luật. Sau khi tổ chức cưới hỏi hai người về sống chung với nhau tại nhà ba mẹ bà N một thời gian và nảy sinh mâu thuẫn nên ông M và bà N không còn sống chung với nhau từ năm 2003. Từ đó tình cảm vợ chồng đã không còn nhưng do vợ chồng chung sống không đăng ký

kết hôn nên ông Phan Văn M yêu cầu Tòa án không công nhận ông M và bà N là vợ chồng.

- Về con chung: Ông M và bà N có 01 con chung là Phan Thị Như T, sinh ngày 01/01/1992. Hiện nay con đã lớn đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: Ông Phan Văn M trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Phan Văn M trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Phía bị đơn – bà Lý Thị Như N trình bày:* Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bà cũng thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung. Bà N cũng khẳng định không có tài sản chung và nợ chung. Bà đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng đã không còn.

* *Tại biên bản xác minh ngày 21/11/2022, chính quyền địa phương nơi bà N sinh sống cho biết:* Ông M và bà N sống chung như vợ chồng từ năm 1991 có một con chung. Đến năm 2003 thì không còn chung sống nữa ông M vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống còn bà N vẫn ở tại địa phương.

Tuy các đương sự đã thống nhất và thỏa thuận được với nhau toàn bộ nội dung vụ án nhưng do không có đăng ký kết hôn nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về kiểm sát tuân theo pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không có vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục, đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng trình tự luật định. Về nội dung vụ án thì xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai đều mong muốn chấm dứt quan hệ vợ chồng. Nay nguyên đơn có yêu cầu ly hôn với bị đơn thì đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải và công bố chứng cứ mới tiến hành xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung Vụ án:

Giữa nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng vào khoảng năm 1991 cho đến năm 2003 ông M và bà N xảy ra mâu thuẫn nên ông M vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống nên vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau vì xa cách quá lâu nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và đến nay cả hai đều nhận thấy đã không còn tình cảm vợ chồng nên thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, do ông bà không có đăng ký kết hôn nên tại phiên tòa ông bà yêu cầu không công nhận cả hai là vợ chồng để chấm dứt mối quan hệ hôn nhân này.

[4] Về con chung: Ông M và bà N có 01 con chung là Phan Thị Như T, sinh ngày 01/01/1992. Hiện nay con đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Ông Phan Văn M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông Phan Văn M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Ông Phan Văn M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 267, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 51, 53, 54 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Phan Văn M và bà Lý Thị Như N là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Phan Văn M và bà Lý Thị Như N có 01 con chung là Phan Thị Như T, sinh ngày 01/01/1992. Hiện nay con đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: Ông Phan Văn M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Phan Văn M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

- Ông Phan Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004652 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND TP Huế;
- THADS TP Huế
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hằng